

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUẦN GIÁO  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16/5/2022

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi ly  
hôn.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Thanh Thùy và bà Bạc Thị Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký phiên tòa - Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Ông Giàng A Thái, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2022/TLST-HN&GD ngày 28 tháng 01 năm 2022 về việc Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tòng Thị T; năm sinh: 1980; nơi ĐKKHKT: Bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện nay: Bản É, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Tòng Thị T có: Bà Trần Thị Sáu - Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên; có mặt.

- Bị đơn: Tòng Văn T; năm sinh: 1978; nơi ĐKKHKT: Bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; hiện nay đang chấp hành án tại đội 12, phân trại 1, Trại giam N; địa chỉ: Xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng CSXH Việt Nam - Phòng giao dịch NHCSXH huyện Tuần Giáo; địa chỉ: Khối Trường Xuân, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 01 năm 2022, bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Tòng Thị Thanh trình bày:

Về hôn nhân: Chị Tòng Thị T và anh Tòng Văn T chung sống với nhau từ năm 1997, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 13/12/1999. Kể từ khi kết hôn sống hạnh phúc đến năm 2011, thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh T sử dụng ma túy, khi chị T khuyên anh T thay đổi nhưng không lắng nghe thu mà còn đánh chị T. Đến năm 2016 anh T bị phạt hơn 8 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và đang đi chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu. Thời gian anh T đi chấp hành án kéo dài như vậy trong nhiều năm nên dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, không có sự quan tâm, chia sẻ. Đến nay chị T không còn tình cảm với anh T, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Tòng Văn T.

Về con chung: Chị Tòng Thị T và anh Tòng Văn T có 02 con chung, cháu tên là Tòng Minh Đ; sinh ngày 17/5/1999 và Tòng Minh T, sinh ngày 22/5/2011. Khi ly hôn chị T nhận trực tiếp nuôi cháu Tòng Minh T, không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Tòng Minh Đ đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét nuôi dưỡng cháu Đức.

Về tài sản chung: Chị Tòng Thị T và anh Tòng Văn T có 01 ngôi nhà sàn bằng gỗ 03 gian, mái lợp pro xi măng, vách thung gỗ, làm trên diện tích đất 100m<sup>2</sup>, tọa lạc tại bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; giá nhà và đất khoảng 100.000.000đ và các vật dụng sử dụng phục vụ sinh hoạt bình thường trong gia đình. Đối với tài sản chị T để lại cho anh Tòng Văn T sử dụng toàn bộ tài sản, không có tranh chấp, nên không đề nghị giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị Tòng Thị T và anh Tòng Văn T có nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền nợ gốc là 50.000.000đ và lãi suất theo thỏa thuận; theo sổ vay vốn mã khách hàng 6300016515. Đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách chị T nhận trả toàn bộ số nợ trên, nên ngày 06 tháng 4 năm 2022 chị T đã có đơn rút yêu cầu giải quyết về nợ chung.

Về án phí: Chị Tòng Thị T đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn anh Tòng Văn T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh Tòng Văn T và chị Tòng Thị T chung sống với nhau từ năm 1997, đi đăng ký kết hôn với nhau năm 1999. Cuộc sống hôn nhân không xảy ra mâu thuẫn, do anh T sử dụng ma túy và đã vi phạm pháp luật nên đã bị phạt tù với mức án 08 năm 06 tháng về tội mua bán trái phép chất ma túy và đang chấp hành án tại trại giam Nà Tấu. Anh T cho rằng nếu chị T nhất quyết ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Tòng Văn T và chị Tòng Thị T có 02 con chung, cháu tên là Tòng Minh Đ; sinh ngày 17/5/1999 và Tòng Minh Tr, sinh ngày 22/5/2011. Khi ly hôn anh T đồng ý giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Minh T, do anh T đang chấp hành án nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con,

không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Tùng Minh Đ đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét nuôi dưỡng cháu Đức.

Về tài sản: Anh Tùng Văn T đồng ý như ý kiến của chị T; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Tùng Văn T và chị Tùng Thị T có nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền nợ gốc là 50.000.000đ và lãi suất theo thỏa thuận; theo sổ vay vốn mã khách hàng 6300016515. Đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách anh Tiên đồng ý chị T trả toàn bộ số nợ trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số 25/NHCSXH-CV ngày 04 tháng 4 năm 2022, Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần Giáo đã làm việc với chị Tùng Thị T về khoản nợ, đến nay chị T đã nhận trả toàn bộ số nợ gốc và lãi theo sổ vay vốn mã khách hàng 6300016515. Do Ngân hàng và chị T đã thỏa thuận được với nhau về trả nợ nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Tùng Minh T trình bày, nếu chị T và anh T ly hôn, cháu T đề nghị được sống cùng mẹ Tùng Thị T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Tùng Thị T đề nghị: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh T; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Tùng Minh T, sinh ngày 22/5/2011 cho chị Tùng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; cháu Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu. Các bên đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nên không đề xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con. Đối với phần nợ chung, do các bên rút yêu cầu giải quyết về nợ chung nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của đương sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh T; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Tùng Minh T, sinh ngày 22/5/2011 cho chị Tùng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; cháu Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu. Các bên đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nên không đề xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con. Chị Tùng Thị T rút yêu cầu giải quyết về phần nợ chung nên đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS chấp nhận yêu cầu của chị T. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân

sự sơ thẩm cho chị Tòng Thị T, do chị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Tòng Thị T với anh Tòng Văn T thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị T nộp đơn khởi kiện, anh Tòng Văn T có nơi ĐKKHTT tại bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ. Tại phiên tòa, chị T, anh T đều có đơn xin vắng mặt, việc đưa ra xét xử vắng mặt của đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi cho đương sự, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Tòng Thị T và anh Tòng Văn T chung sống với nhau từ năm 1997, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 13/12/1999. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, nên có thể xác định hôn nhân của chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình. Cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011. Sau đó do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do anh T không làm chủ được bản thân nên dẫn đến nghiện ma túy, cũng chính vì nghiện ma túy để có ma túy sử dụng mà năm 2016 anh T đã có hành vi phạm tội, bị xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và đang chấp hành án tại trại giam Nà Tấu. Thời gian xa cách kéo dài nhiều năm, vợ chồng không có điều kiện quan tâm, chia sẻ, chăm sóc nên dẫn đến chị Thanh không còn tình cảm với anh T, chị T không thể kéo dài cuộc sống chung với anh T nên đã đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của của chị T và anh T thì thấy nguyên nhân dẫn đến việc chị T yêu cầu ly hôn là do anh T không tu chí làm ăn mà đi vào con đường phạm tội. Từ những căn cứ trên thấy rằng, tình cảm vợ chồng của chị T và anh T đã rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tòng Thị T, cho chị Tòng Thị T ly hôn với anh Tòng Văn T.

[2.2] Về con chung: Xét về yêu cầu nuôi con chung và nguyện của cháu THĐXX thấy chị Thanh có đủ điều kiện để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học tập cho cháu T. Việc giao con cho chị T là hoàn toàn có cơ sở để đảm bảo cho cháu T có một cuộc sống ổn định, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao cho chị Tòng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi đủ

thành niên và đủ khả năng lao động. Đương sự đều không yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng, nên HĐXX không giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Tòng Thị T và anh Tòng Văn T, không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Chị Tòng Thị T và anh Tòng Văn T, Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội không có tranh chấp, chị T đã nhận trả toàn bộ số nợ của Ngân hàng chính sách xã hội nên đã có đơn xin rút yêu cầu giải quyết về nợ chung và anh Tòng Văn T không có yêu cầu phản tố, Ngân hàng chính sách xã hội không có yêu cầu độc lập, nên HĐXX xét xử thấy rằng: Việc rút yêu cầu giải quyết về nợ của chị T và sự thống nhất không yêu cầu giải quyết của đương sự là tự nguyện. Vì vậy HĐXX căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của chị Tòng Thị T.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Tòng Thị T là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị T được ly hôn với anh Tòng Văn T.
2. Về con chung: Giao cho chị Tòng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Minh T, sinh ngày 22/5/2011 cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Tòng Thị T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con,

cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Tòng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Chị Tòng Thị T, anh Tòng Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu về nợ chung giữa chị Tòng Thị T, anh Tòng Văn T và Ngân hàng CSXH - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần Giáo. Các đương sự có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác, khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Tòng Thị T được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tòng Thị T, anh Tòng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần Giáo có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận**

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích HP của ĐS;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**

























***Nơi nhận***

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**